TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2021
V/v *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Phương.

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990. *Vắng mặt*

- Bị đơn: Anh Mai Văn M, sinh năm 1988. *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Thôn Lộc Thượng, xã QH, huyện QS, tỉnh QN .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bình Phục, huyện Thăng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống với nhau không hạnh phúc do không cùng quan điểm sống. Nay chị N thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Mai Thị Ngọc L, sinh ngày 16/7/2012 và Mai Quốc V, sinh ngày 17/8/2014. Hiện chị N đang trực tiếp nuôi hai con chung. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Mai Văn M: trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh M có nơi cư trú tại thôn Lộc Thượng, xã QH, huyện QS, tỉnh QN ; chị N yêu cầu ly hôn với anh M và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật là *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân Bình Phục, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 07/3/2011 nên hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết chị N cho rằng: Chị và anh M sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống. Ngày 01/4/2021, Tòa án đã tiến hành xác M tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp nhưng Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh M có 02 con chung tên là Mai Thị Ngọc L, sinh ngày 16/7/2012 và Mai Quốc V, sinh ngày 17/8/2014. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị N và không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Hơn nữa, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V và cháu L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Mai Văn M.

2. Về con chung: Giao hai cháu Mai Thị Ngọc L, sinh ngày 16/7/2012 và Mai Quốc V, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, chị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001776 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**